

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày 29 – 3 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Thái Khắc Thiệu.

- Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Th Dung – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023,

Đối với bị cáo: Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 14/6/197x tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hộ khẩu thường trú: Khôi X, thị trấn ĐL, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Cảnh D và bà Bùi Thị T. Có chồng là Phan Sỹ Q và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/10/2022 đến ngày 25/10/2022. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Chị Bùi Thị H. Sinh năm 198x. Địa chỉ: Xóm YS, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Trần Thị Th. Sinh năm 198x. Địa chỉ: Xóm Y, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị Lệ H1. Sinh năm 197x. Địa chỉ: Xóm Z, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Hoàng Thị M. Sinh năm 198x. Địa chỉ: Xóm YS, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 13/11/2021 đến 16/10/2022 Nguyễn Thị Phương L (Sinh ngày 14/06/197x. Trú tại: Xóm A, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ

An) đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính với tổng số tiền thu lợi bất chính là **41.462.331đ** (Bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi một đồng). Những người đến vay tiền của L thường có quan hệ quen biết với L, hoặc qua người quen giới thiệu thường đến nhà của L để vay, với thỏa thuận các đối tượng phải viết vào sổ vay của L hoặc thông qua gọi điện thoại vay tiền và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, kỳ hạn vay bắt đầu tính từ sau ngày bắt đầu vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày và 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tùy vào người vay là ai. Cụ thể như sau:

1. Các giao dịch giữa Nguyễn Thị Phương L với chị Bùi Thị H (Sinh năm 198x. Trú tại: Xóm YS, xã HS, huyện DL, tỉnh Nghệ An): Do chị Bùi Thị H và Nguyễn Thị Phương L có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 13/11/2021 đến 03/10/2022, L đã 13 lần cho chị H vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, các khoản vay của H đều phải trả lãi và gốc theo ngày, đến khi trả hết cả lãi và gốc mới được vay tiếp, đối với khoản vay nếu quá hạn nhưng chưa trả hết thì không tính lãi của những ngày quá hạn, các khoản vay có thời hạn được gọi là “khé”, cụ thể như sau:

+ Khé thứ nhất: Ngày 13/11/2021, H đến nhà của L tại khu vực xóm 6, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương gặp và vay L số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày, bằng hình thức viết giấy vay nợ vào sổ vay của L. Đến ngày 13/12/2021, H đã trả cho L 17.250.000đ (Mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là tiền gốc, 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.250.000đ/15.000.000đ) \times 100\%/30 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.250.000đ - (15.000.000đ \times 30 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 2.003.425đ$ (Hai triệu, không trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng)

+ Khé thứ hai: Ngày 13/12/2021 sau khi kết thúc lần vay thứ nhất, chị H tiếp tục vay L số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với cách thức vay như lần vay thứ nhất. Đến ngày 10/01/2022 H đã trả cho L số tiền 17.250.000đ (Mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là tiền gốc, 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi. Tuy nhiên tại lần vay này đến ngày vay thứ 28 của kỳ hạn vay H đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 30 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất $195,5\%/năm = (2.250.000đ/15.000.000đ) \times 100\%/28 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,78 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.250.000đ - (15.000.000đ \times 28 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 2.019.863đ$ (Hai triệu, không trăm mười chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng).

+ Khé thứ ba: Với cách thức như lần vay thứ nhất và thứ hai ngày 10/01/2022 H tiếp tục vay L số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Đến ngày 10/02/2021 H đã trả cho L 17.250.000đ (Mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là tiền gốc, 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm =$

$(2.250.000đ/15.000.000đ) \times 100\%/30 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.250.000đ - (15.000.000đ \times 30 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 2.003.425đ$ (Hai triệu, không trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Khế thứ tư: Vào ngày 11/02/2022, H sử dụng số điện thoại có gắn sim có 0397625657 gọi vào số điện thoại 0965945368 của L để hỏi vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày. L đồng ý và dùng điện thoại Iphone 6 có cài đặt ứng dụng Agribank E-Mobile banking của ngân hàng Agribank có chứa tài khoản 3603205010012 chuyển đến số tài khoản 101873318983 ngân hàng Vietinbank của chị H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đến ngày 15/03/2022 chị H đã trả cho L số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền gốc, 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (1.500.000đ/10.000.000đ) \times 100\%/30 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $1.500.000đ - (10.000.000đ \times 30 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.335.616đ$ (Một triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

+ Khế thứ năm: Vào ngày 16/03/2022 như lần vay thứ nhất chị H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trong thời hạn 20 ngày. Đến ngày 04/04/2022 chị H đã trả cho L số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), trong đó 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền gốc, 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 19 của kỳ hạn vay H đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất $192,1\%/năm = (1.000.000đ/10.000.000đ) \times 100\%/19 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,61 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $1.000.000đ - (10.000.000đ \times 19 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 895.890đ$ (Tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

+ Khế thứ sáu: Vào ngày 04/04/2022 H dùng số điện thoại gắn sim có số 0397625657 nhắn tin vào số điện thoại 0965945368 của L để hỏi vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. L đồng ý và dùng hình thức chuyển khoản như lần vay thứ tư để chuyển số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho H vay. Đến ngày 25/04/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 20 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.780.822đ$ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế thứ bảy: Vào ngày 25/04/2022 như lần vay thứ nhất. H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 16/5/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu

đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 20 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.780.822đ$ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế thứ tám: Vào ngày 17/5/2022 như lần vay thứ nhất, H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 04/6/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 18 của kỳ hạn vay H đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất $202,7\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/18 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 10,14 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 18 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.802.740đ$ (Một triệu, tám trăm linh hai nghìn, bảy trăm linh bốn đồng).

+ Khế vay thứ chín: Ngày 05/6/2022 H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 25/6/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 20 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.780.822đ$ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế vay thứ mười: Ngày 26/6/2022 H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 11/7/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 15 của kỳ hạn vay H đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất $243,3\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/15 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 12,17 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 15 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.835.616đ$ (Một triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

+ Khế vay thứ mười một: Ngày 26/6/2022 H tiếp tục đến nhà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 30/7/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 20$

ngày x 20%/365 ngày)= 1.780.822đ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế vay thứ mười hai: Ngày 28/8/2022 với cách thức như lần vay thứ tư, H tiếp tục vay của L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 17/9/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm = $(2.000.000\text{đ}/20.000.000\text{đ}) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000đ – $(20.000.000\text{đ} \times 20 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày})$ = 1.780.822đ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế vay thứ mười ba: Ngày 17/9/2022 với cách thức như lần vay thứ tư, H tiếp tục vay L số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 03/10/2022, H đã trả cho L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 16 của kỳ hạn vay H đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất 228,1%/năm = $(2.000.000\text{đ}/20.000.000\text{đ}) \times 100\%/16 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 11,41 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000đ – $(20.000.000\text{đ} \times 16 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày})$ = 1.824.658đ (Một triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Như vậy, từ ngày 13/11/2021 đến ngày 17/9/2022, thông qua 13 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Bùi Thị H vay với tổng số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), thu 25.250.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi, thu lợi bất chính với tổng số tiền 22.625.343 (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng).

2. Các giao dịch đối với chị Trần Thị Th (Sinh năm 198x. Trú tại: Xóm Y, xã TS, huyện DL, tỉnh Nghệ An): Thông qua các mối quan hệ quen biết từ trước. Ngày 01/7/2022, chị Th đến nhà vay L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất 3000đ/1.000.000/1 ngày. Lãi xuất trả theo tháng, một tháng tính 30 ngày, như vậy mỗi tháng chị Th phải trả cho L số tiền 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi trả hết tiền gốc. L sử dụng điện thoại Iphone 6 có ứng dụng Agribank E-Mobile banking của ngân hàng Agribank có chứa tài khoản số 3603205010012 chuyển đến tài khoản ngân hàng Agribank có số 3603888826666 của chị Th số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tiền lãi tháng 7/2022 chị Th chuyển khoản cho L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), trong đó 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) là số tiền lãi của tháng 7/2022, còn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chuyển sang tiền lãi tháng sau. Tiền lãi tháng 8, chị Th đã dùng số thuốc trị giá 2.400.000đ (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) mà L mua từ chị Th để trừ vào tiền lãi. Hiện số thuốc này L đã sử dụng hết. Tiền lãi tháng 9 chị Th đã chuyển khoản cho L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) còn 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nợ tháng

sau mới trả. Như vậy số tiền lãi trong ba tháng, chị Th phải đóng cho L là 8.100.000đ (Tám triệu, một trăm nghìn đồng), tương ứng với lãi suất 108%/năm = $((8.100.000\text{đ}/30.000.000\text{đ}) \times 100\%) : 3 \text{ tháng}) \times 12 \text{ tháng}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $8.100.000\text{đ} - (30.000.000\text{đ} \times 3 \text{ tháng} \times 20\%/12 \text{ tháng}) = 6.600.000\text{đ}$ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS đối với tiền lãi tháng 10 tính đến ngày 16/10/2022 (ngày cơ quan điều tra phát hiện tội phạm) thì kì hạn của khoản vay này đã được 15 ngày, tương ứng với số tiền lãi chị Th phải trả là: $15 \text{ ngày} \times (2.700.000\text{đ}/30 \text{ ngày}) = 1.350.000\text{đ}$ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tương ứng với lãi suất 109,5%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,48 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $1.350.000\text{đ} - (30.000.000\text{đ} \times 15 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.103.425\text{đ}$ (Một triệu, một trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng)

Như vậy, từ ngày 07/7/2022 đến ngày 16/10/2022, thông qua giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Trần Thị Th vay với tổng số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), thu số tiền 9.450.000 đồng (Chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi; thu lợi bất chính với tổng số tiền 7.703.425 (Bảy triệu, bảy trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng). Trong quá trình điều tra vụ án, chị Th đã trả lại số tiền vay gốc cho Nguyễn Thị Phương L số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Các giao dịch đối với chị Nguyễn Thị Lệ H1 (Sinh năm 197x. Trú tại: Xóm Z, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An): Do H1 và L có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 16/02/2022 đến 11/7/2022, L đã 5 lần cho H1 vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, các khoản vay của H1 đều phải trả lãi và gốc theo ngày, đến khi trả hết cả lãi và gốc mới được vay tiếp, đối với khoản vay này nếu quá hạn nhưng chưa trả hết thì không tính lãi của những ngày quá hạn. Cụ thể như sau:

+ Khế vay thứ nhất: Vào ngày 16/02/2022 chị H1 dùng số điện thoại 0383080221 gọi vào số điện thoại 0965945368 của L hỏi vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. L đồng ý và sử dụng điện thoại Iphone 6 có ứng dụng Agribank E-Mobile banking của ngân hàng Agribank có chứa tài khoản số 3603205010012 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Bidv có số 51110000878195 của H số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) do trước đó H1 còn nợ L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) vay ngoài và không tính lãi. Đến ngày 08/03/2022 H1 phải trả đủ số tiền gốc và lãi cho L, nhưng do không có tiền trả nên chị H đã gọi cho L xin trả chậm tiền và chỉ phải chịu lãi đối với 20 ngày theo khế vay. L đồng ý. Đến ngày 26/3/2022 H1 đã trả cho L với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000\text{đ}/20.000.000\text{đ}) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ($182,5\% : 20\%$) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000\text{đ} - (20.000.000\text{đ} \times 20$

ngày x 20%/365 ngày) = 1.780.822đ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Khế vay thứ hai. Ngày 18/5/2022, với thỏa thuận và cách thức như lần vay thứ nhất. L tiếp tục cho H1 vay tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Lần vay này L chỉ chuyển khoản cho H1 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) do trước đó H1 còn nợ L 1.000.000đ (Một triệu đồng) vay ngoài và không tính lãi. Đến ngày 06/06/2022 H1 đã trả cho L với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 19 của kỳ hạn vay H1 đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất, tương ứng với lãi suất $192,1\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/19 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,60 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 19 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.791.781$ (Một triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng).

+ Khế vay thứ ba: Ngày 06/06/2022, với thỏa thuận và cách thức như lần vay thứ nhất. L tiếp tục cho H1 vay tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 25/06/2022 H1 đã trả cho L với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 19 của kỳ hạn vay H1 đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, thì lần vay này có lãi suất, tương ứng với lãi suất $192,1\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/19 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,60 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 19 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.791.781$ (Một triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng).

+ Khế vay thứ tư: Ngày 25/06/2022, với thỏa thuận và cách thức như lần vay thứ nhất. L tiếp tục cho H1 vay tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 15/07/2022 mới hết thời hạn vay, nhưng do nhu cầu muốn vay tiếp nên ngày 11/07/2022 H1 đã trả hết cả gốc và lãi cho L với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi. Tại lần vay này đến ngày thứ 16 của kỳ hạn vay H1 đã trả hết cho L cả gốc và lãi của 20 ngày. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS, lần vay này có lãi suất tương ứng $228,1\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/16 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 11,4 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 16 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.824.658$ (Một triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

+ Khế vay thứ năm: Ngày 11/07/2022, với thỏa thuận và cách thức như lần vay thứ nhất. L tiếp tục cho H1 vay tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thời hạn 20 ngày. Đến ngày 31/07/2022 H1 đã trả cho L với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền gốc, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.000.000đ/20.000.000đ) \times 100\%/20 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - (20.000.000đ \times 20 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 1.780.822đ$ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

Như vậy, từ ngày 16/02/2022 đến ngày 11/7/2022, thông qua 05 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Nguyễn Thị Lê H1 vay với tổng số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng), thu số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thu lợi bất chính với tổng số tiền 8.969.864đ (Tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng).

4. Các giao dịch đối với chị Hoàng Thị M (Sinh năm 198x. Trú tại: Xóm YS, xã HS, huyện DL, tỉnh Nghệ An): Do Mỹ và L có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 10/08/2022 đến 14/10/2022, L đã 02 (hai) lần cho chị M vay tiền với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Cụ thể như sau:

+ Khế thứ nhất: Ngày 10/8/2022, chị M đến nhà của L vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và không có thời hạn vay, tiền lãi được trả theo ngày đến khi trả hết tiền gốc. Đến ngày 26/9/2022 chị M đã trả cho L số tiền 12.350.000đ (Mười hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền gốc, 2.350.000đ (Hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (2.350.000đ/10.000.000đ) \times 100\%/47 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $2.350.000đ - (10.000.000đ \times 47 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 2.092.466đ$ (Hai triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Khế thứ 2: Kết thúc kế thứ nhất, ngày 14/10/2022 chị M tiếp tục đến nhà vay L 8.000.000đ (Tám triệu đồng) với cách thức và thỏa thuận như lần vay thứ nhất. Đến ngày 16/10/2022 Mỹ trả cho L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), trong đó có 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền gốc, 80.000.đ (Tám mươi nghìn đồng) là tiền lãi, tương ứng với lãi suất $182,5\%/năm = (80.000đ/8.000.000đ) \times 100\%/2 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày}$. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: $80.000đ - (8.000.000đ \times 2 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 71.233đ$ (Bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

Từ ngày 10/08/2022 đến ngày 14/10/2022, thông qua 02 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Hoàng Thị M vay với tổng số tiền 18.000.000 (Mười tám triệu đồng), thu 2.650.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền lãi; thu lợi bất chính với tổng số tiền 2.163.699đ (Hai triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng). Đối với khoản vay 8.000.000đ

(Tám triệu đồng) ở lần vay thứ 2, trong quá trình điều tra thì Hoàng Thị M đã hết số tiền vay gốc là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) cho Nguyễn Thị Phương L.

Như vậy trong thời gian từ tháng 13/11/2021 đến ngày 14/10/2022, Nguyễn Thị Phương L đã thông qua 21 giao dịch dân sự cho 4 cá nhân vay tổng số tiền **373.000.000đ** (Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng), với lãi suất trả góp thỏa thuận là từ **182,5%/năm** đến **243,3%/năm**; đã thu số tiền lãi là **47.350.000đ** (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền **41.462.331đ** (Bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi một đồng).

Với nội dung trên, Cáo trạng số 13/CT-VKS-ĐL ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An quyết định truy tố Nguyễn Thị Phương L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giữ nguyên Cáo trạng, quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L mức án tù 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L trong thời gian cải tạo không giam giữ; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Thị Phương L số tiền gốc dùng để cho vay lãi nặng mà bị cáo đã thu lại từ người vay là 373.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị Phương L không có ý kiến tranh luận; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã trình bày ý kiến đầy đủ trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hơn nữa đây là phiên tòa mở lần thứ hai, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt giấy triệu tập của Tòa án hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính

đáng, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Phương L thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó có đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 13/11/2021 đến ngày 17/9/2022, thông qua 13 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Bùi Thị H vay với tổng số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày; thu số tiền lãi là 25.250.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó thu lợi bất chính với tổng số tiền 22.625.343 (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng).

Từ ngày 07/7/2022 đến ngày 16/10/2022, thông qua giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Trần Thị Th vay với tổng số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất là 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày; thu số tiền lãi suất là 9.450.000 đồng (Chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó thu lợi bất chính với tổng số tiền 7.703.425 (Bảy triệu, bảy trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Từ ngày 16/02/2022 đến ngày 11/7/2022, thông qua 05 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Nguyễn Thị Lệ H1 vay với tổng số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày; thu số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); trong đó thu lợi bất chính với tổng số tiền 8.969.864đ (Tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng).

Từ ngày 10/08/2022 đến ngày 14/10/2022, thông qua 02 giao dịch dân sự Nguyễn Thị Phương L đã cho Hoàng Thị M vay với tổng số tiền 18.000.000 (Mười tám triệu đồng) với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày; thu số tiền lãi suất là 2.650.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng); trong đó thu lợi bất chính với tổng số tiền 2.163.699đ (Hai triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 13/11/2021 đến ngày 14/10/2022, Nguyễn Thị Phương L đã thông qua 21 giao dịch dân sự cho 4 cá nhân gồm Bùi Thị H, Trần Thị Th, Nguyễn Thị Lệ H1, Hoàng Thị M vay tổng số tiền **373.000.000đ** (Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng), với lãi suất từ **182,5%/năm** đến **243,3%/năm** là vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền **41.462.331đ** (Bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi một đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng

hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là lợi dụng việc người vay tiền có nhu cầu vay tiền để trục lợi thông qua việc cho vay với lãi suất cao. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương; bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo – đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm vì vậy cho bị cáo cải tạo tại địa phương và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ nghiêm như mức đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 19/10/2022 đến ngày 25/10/2022) nên thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 ngày tạm giữ x 3 = 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Xét bị cáo có mức thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc thẻ ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị Phương L do bị cáo dùng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 373.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Phương L dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu (Truy thu) sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi suất trong hạn cho phép mà bị cáo đã thu nhưng không tiếp tục dùng để cho người khác vay với lãi suất cao nên Hội đồng xét xử thấy không phải truy thu số tiền này từ bị cáo Nguyễn Thị Phương L.

Đối với số tiền lãi suất vượt quá hạn cho phép (Tiền thu lợi bất chính) mà bị cáo đã thu từ chị Bùi Thị H, chị Trần Thị Th, chị Nguyễn Thị Lệ H1, chị Hoàng Thị M thì bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người này đều không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, nhưng được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 25/10/2022) = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo Nguyễn Thị Phương L còn phải tiếp tục chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương L. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương L cho Ủy ban nhân dân xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) thẻ ngân hàng Agribank có số thẻ 9704053057990584 mang tên NGUYEN THI PHUONG L. Đặc điểm, tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Nguyễn Thị Phương L số tiền 373.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Đô Lương;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Đô Lương;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương;
- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà

- Lưu hồ sơ vụ án.